

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**TỪ NGÀY 01 THÁNG 10 NĂM 2018
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

(NIÊN ĐỘ TỪ 01/07/2018 ĐẾN 30/06/2019)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2 - 5
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6 - 7
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
4. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu năm (01/07/2018)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		913.463.093.891	1.400.587.746.423
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	30.683.081.724	15.412.171.681
1. Tiền	111		17.683.081.724	15.412.171.681
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	9.217.706.850	18.049.659.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	V.3	-	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.217.706.850	18.049.659.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		469.261.899.120	534.789.927.064
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	148.602.071.748	149.454.935.529
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		207.433.362.171	270.930.772.151
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		77.962.082.864	84.149.848.559
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	59.031.592.844	53.819.370.952
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(23.767.210.507)	(23.565.000.127)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		350.294.792.494	820.734.852.846
1. Hàng tồn kho	141	V.6	358.509.272.844	829.536.535.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.7	(8.214.480.350)	(8.801.682.154)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		54.005.613.703	11.601.135.832
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	48.150.899.199	2.955.892.887
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.832.734.676	8.623.263.117
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	21.979.828	21.979.828
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu năm (01/07/2018)
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.464.891.987.320	1.463.841.996.642
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.979.891.635	1.121.577.692
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		2.002.391.635	1.144.077.692
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(22.500.000)	(22.500.000)
II. Tài sản cố định	220		1.248.683.482.439	1.275.911.648.618
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.212.279.094.367	1.239.261.450.322
<i>Nguyên giá</i>	222		2.974.886.178.988	2.969.290.693.195
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.762.607.084.621)	(1.730.029.242.873)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
<i>Nguyên giá</i>	225			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	36.404.388.072	36.650.198.296
<i>Nguyên giá</i>	228		47.903.559.576	47.903.559.576
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(11.499.171.504)	(11.253.361.280)
III. Bất động sản đầu tư	230			
<i>Nguyên giá</i>	231			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		127.686.676.742	90.918.826.657
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	127.686.676.742	90.918.826.657
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		30.849.829.652	30.773.468.207
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	15.398.683.852	15.322.322.407
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14	15.251.145.800	15.251.145.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.14	200.000.000	200.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		55.692.106.852	65.116.475.468
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	52.036.080.366	60.586.389.433
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.656.026.486	4.530.086.035
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.378.355.081.211	2.864.429.743.065

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu năm (01/07/2018)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		835.861.235.803	1.300.953.766.671
I. Nợ ngắn hạn	310		762.191.756.385	1.221.720.526.387
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		61.679.365.250	263.932.409.395
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		43.901.764.245	26.666.065.823
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	1.882.023.925	24.863.004.709
4. Phải trả người lao động	314		5.537.440.086	21.684.853.217
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	14.230.560.204	50.244.963.734
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	9.387.143.215	15.335.544.949
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	586.483.090.609	781.768.508.425
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		39.090.368.851	37.225.176.135
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		73.669.479.418	79.233.240.284
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	295.317.298
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		11.049.169.926	11.049.169.926
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	5.833.316.667	7.749.991.667
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		56.786.992.825	60.138.761.393

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu năm (01/07/2018)
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.542.493.845.408	1.563.475.976.394
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.513.621.530.545	1.529.910.709.473
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	180.176.411.784	180.176.411.784
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.21	(32.871.691.000)	(32.871.691.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	592.973.408.848	590.115.782.416
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.21	60.219.882	60.219.882
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	51.301.914.048	66.761.322.969
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		61.046.070.100	54.535.769.048
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(9.744.156.052)	12.225.553.921
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.21	21.981.266.983	25.668.663.422
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		28.872.314.863	33.565.266.921
1. Nguồn kinh phí	431		2.158.837.155	5.544.336.155
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.22	26.713.477.708	28.020.930.766
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.378.355.081.211	2.864.429.743.065

Lập ngày 20 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Lê Thị Liên

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc

Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SON

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II - Niên độ từ ngày 01/10/2018 đến 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10 đến 31/12		Lũy kế từ 01/07 đến 31/12	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	486.022.433.533	261.723.806.452	792.036.215.393	475.541.945.621
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	(203.520.000)	-	32.000.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	486.225.953.533	261.723.806.452	792.004.215.393	475.541.945.621
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	454.692.316.849	226.410.075.937	730.369.818.801	402.901.516.588
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.533.636.684	35.313.730.515	61.634.396.592	72.640.429.033
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	806.223.176	1.774.349.558	2.198.349.941	4.332.028.552
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13.445.089.642	12.398.995.581	26.881.139.267	21.319.724.814
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		12.928.121.242	12.238.486.525	26.361.073.167	21.094.671.074
8. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên kết	41		142.281.445	(125.813.212)	76.361.445	(66.014.678)
9. Chi phí bán hàng	24	VI.5	12.385.167.733	8.057.888.532	17.664.059.733	13.062.668.132
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	15.409.126.265	16.904.010.214	25.228.569.381	28.902.437.874
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.757.242.335)	(398.627.466)	(5.864.660.403)	13.621.612.087
12. Thu nhập khác	31		113.820.984	7.597.357.364	438.129.535	9.105.867.024
13. Chi phí khác	32		4.021.177.825	4.229.962.876	5.571.767.928	5.208.092.706
14. Lợi nhuận khác	40		(3.907.356.841)	3.367.394.488	(5.133.638.393)	3.897.774.318
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(12.664.599.176)	2.968.767.022	(10.998.298.796)	17.519.386.405
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.309.871.204	2.252.309.563	1.559.194.146	4.523.449.130
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(12.457.820)	121.474.802	874.059.549	121.474.802

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Từ 01/10 đến 31/12 Lũy kế từ 01/07 đến 31/12

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Từ 01/10 đến 31/12		Lũy kế từ 01/07 đến 31/12	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(13.962.012.560)	594.982.657	(13.431.552.491)	12.874.462.473
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	80	(12.739.362.835)	2.456.730.973	(9.744.156.052)	14.957.533.340
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	70	(1.222.649.725)	(1.861.748.316)	(3.687.396.439)	(2.083.070.867)

Lập ngày 20 tháng 01 năm 2019

Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Đỗ Thị Thanh Hà

Lê Thị Liên

Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Giai đoạn từ 01/07/2018-31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 01/07 đến 31/12	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		(10.998.298.796)	17.519.386.405
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	2		32.262.112.199	50.915.397.917
- Các khoản dự phòng	3		(384.991.424)	(905.035.756)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện	4		(31.534.234)	(59.342.429)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(1.978.658.960)	(10.536.817.630)
- Chi phí lãi vay	6		26.361.073.167	21.094.671.074
- Các khoản điều chỉnh khác	7		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		45.229.701.952	78.028.259.581
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		66.325.798.912	(35.453.339.438)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		471.027.262.158	18.581.213.631
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(259.663.411.830)	(16.023.123.896)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(36.644.697.245)	(37.738.138.568)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(25.798.771.491)	(20.990.356.361)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.500.560.635)	(14.915.044.940)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		3.049.000.000	11.439.294.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.731.122.539)	(9.656.476.996)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		254.293.199.282	(26.727.712.987)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(51.359.853.356)	(12.898.530.116)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	30.241.850.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(14.150.000.000)	(84.603.208.062)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		23.914.185.300	124.696.916.861
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.722.231.633	4.141.698.864
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(39.873.436.423)	61.578.727.547

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33		530.704.382.840	870.872.280.535
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(727.906.475.656)	(743.076.416.148)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.946.760.000)	(57.750.223.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(199.148.852.816)	70.045.641.387
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		15.270.910.043	104.896.655.947
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	15.412.171.681	81.172.629.111
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	30.683.081.724	186.069.285.058


Lập ngày 20 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu



Lê Thị Liên

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nha, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chăn nuôi bò sữa, chế biến sữa, bò thịt, chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO₂ (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 466NQ/2015/ĐLS - ĐHDCĐ ngày 03/08/2015 quyết nghị Chuyển đổi năm tài chính từ năm dương lịch (từ 01/01 - 31/12 hằng năm) sang áp dụng năm tài chính từ ngày 01/07 năm nay đến 30/06 năm sau. Niên độ tài chính 2018/2019 bắt đầu từ 01 tháng 07 năm 2018 đến 30 tháng 06 năm 2019.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP - Oracle E-Business Suite).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của tất cả các công ty con do công ty mẹ kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

1.1 Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Bảng cân đối kế toán của công ty mẹ và các công ty con theo từng khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục của Bảng cân đối kế toán không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất gồm:
 - + Các khoản đầu tư của công ty mẹ vào các công ty con;
 - + Lợi ích của cổ đông thiểu số;
 - + Các khoản phải thu, phải trả nội bộ giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn;
 - + Các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
 - + Các khoản vốn góp liên doanh, liên kết điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

1.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty mẹ và của các công ty con trong tập đoàn theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.
- Đối với những khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:
 - + Doanh thu, giá vốn hàng bán, lãi, lỗ nội bộ tập đoàn;

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

- + Lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
- + Lợi ích của cổ đông thiểu số trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
- + Thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của công ty mẹ và các công ty con.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	04 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 10

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất, thuê kho trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động sản xuất và chế biến mía đường. Các sản phẩm còn lại áp dụng thuế suất 20% từ 01/01/2016.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.154.747.522	870.984.120
Tiền gửi ngân hàng	16.528.334.202	14.541.187.561
Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	
Cộng	<u>30.683.081.724</u>	<u>15.412.171.681</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chứng khoán kinh doanh	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	9.217.706.850	18.049.659.000
Cộng	<u>9.217.706.850</u>	<u>18.049.659.000</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng		
- Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	79.033.087.500	38.135.895.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	69.568.984.248	111.319.040.529
	<u>148.602.071.748</u>	<u>149.454.935.529</u>

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	8.504.060.306	8.504.060.306

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng cho CBCNV	17.265.426.457	18.285.268.767
Phải thu các hộ nông dân trồng mía	5.379.860.078	5.379.860.078
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.000.000.000	6.000.000.000
Các khoản phải thu khác	24.882.246.003	15.650.181.801
Cộng	<u>59.031.592.844</u>	<u>53.819.370.952</u>
6. Hàng tồn kho		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	49.665.756.775	60.740.339.834
Công cụ, dụng cụ	1.984.765.655	1.110.438.319
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	88.446.666.280	26.360.526.376
Thành phẩm	175.318.226.078	734.593.324.269
Hàng hóa	43.093.858.056	6.513.996.803
Hàng gửi bán		217.909.399
Cộng	<u>358.509.272.844</u>	<u>829.536.535.000</u>
7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.214.480.350)	(8.801.682.154)
Cộng	<u>(8.214.480.350)</u>	<u>(8.801.682.154)</u>
8. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	48.150.899.199	2.955.892.887
Cộng	<u>48.150.899.199</u>	<u>2.955.892.887</u>
9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	21.979.828	21.979.828
Cộng	<u>21.979.828</u>	<u>21.979.828</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện VT, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	773.816.746.759	2.088.429.773.298	78.374.953.024	23.606.252.700	5.062.967.414	2.969.290.693.195
Số đầu năm	2.076.623.273	2.359.324.158				4.435.947.431
Tăng trong năm	4.834.892.372	120.000.000				4.954.892.372
Mua sắm mới						
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						
Tăng khác						
Giảm trong năm	(707.701.225)	(2.431.069.228)		(656.583.557)		(3.795.354.010)
Thanh lý, nhượng bán						
Chuyển thành CCDC						
Giảm khác						
Số cuối kỳ	780.020.561.179	2.088.478.028.228	78.374.953.024	22.949.669.143	5.062.967.414	2.974.886.178.988
Giá trị hao mòn	337.000.350.874	1.305.675.407.908	64.211.718.470	22.338.442.339	803.323.282	1.730.029.242.873
Số đầu năm	12.774.678.300	22.255.246.134	946.422.694	135.804.177	259.182.478	36.371.333.783
Tăng trong năm						
Khấu hao trong năm						
Tăng khác						
Giảm trong năm	(707.701.229)	(2.429.207.249)		(656.583.557)		(3.793.492.035)
Thanh lý, nhượng bán						
Chuyển thành CCDC						
Giảm khác						
Số cuối kỳ	349.067.327.945	1.325.501.446.793	65.158.141.164	21.817.662.959	1.062.505.760	1.762.607.084.621
Giá trị còn lại	436.816.395.885	782.754.365.390	14.163.234.554	1.267.810.361	4.259.644.132	1.239.261.450.322
Số đầu năm tại ngày 01/07/2018	430.953.233.234	762.976.581.435	13.216.811.860	1.132.006.184	4.000.461.654	1.212.279.094.367
Số cuối kỳ tại ngày 31/12/2018						

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**11. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm 01/07/2018	37.815.939.158	10.087.620.418	47.903.559.576
Tăng do mua sắm mới			
Tăng khác			
Thanh lý, nhượng bán			
Giảm khác			
Số cuối kỳ 31/12/2018	37.815.939.158	10.087.620.418	47.903.559.576
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm 01/07/2018	1.341.344.211	9.912.017.069	11.253.361.280
Khấu hao trong năm	193.830.226	51.979.998	245.810.224
Tăng khác			
Thanh lý, nhượng bán			
Giảm khác			
Số cuối kỳ 31/12/2018	1.535.174.437	9.963.997.067	11.499.171.504
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	36.474.594.947	175.603.349	36.650.198.296
Số cuối kỳ	36.280.764.721	123.623.351	36.404.388.072

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	30.257.333.204	30.257.333.204
DA xây dựng vườn cam công nghệ cao	7.779.363.535	7.326.338.358
DA sinh thái tre luồng Tam Thanh	70.085.682.324	35.720.746.278
Các công trình khác	19.564.297.679	17.614.408.817
Cộng	127.686.676.742	90.918.826.657

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	15.398.683.852	15.322.322.407
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.451.145.800	15.451.145.800
TỔNG CỘNG	30.849.829.652	30.773.468.207

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**Đầu tư vào các công ty liên kết**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	38.39%	2.150.000	38.39%	2.150.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	32.00%	1.600.000	32.00%	1.600.000

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư dài hạn khác - góp vốn cổ phần	15.251.145.800	15.251.145.800
Công ty Cổ phần đầu tư TM Lam Sơn	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần thương mại Lam Hà	2.276.500.000	2.276.500.000
Tổng công ty mía đường I - Công ty CP	2.974.645.800	2.974.645.800
Đầu tư dài hạn khác	200.000.000	200.000.000
Cộng	15.451.145.800	15.451.145.800

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	52.036.080.366	60.586.389.433
Cộng	52.036.080.366	60.586.389.433

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	582.649.757.276	775.215.175.092
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác		
Vay dài hạn đến hạn trả	3.833.333.333	6.553.333.333
Cộng	586.483.090.609	781.768.508.425

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số phải nộp	1.882.023.925	24.863.004.709
Cộng	1.882.023.925	24.863.004.709

Thuế giá trị gia tăng

Bản thuyết minh này là một phần hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng:

Đường, mật ri	5%
Cần. dịch vụ cho thuê kho bãi. khách sạn. ăn uống	10%

Thuế xuất. nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	1.367.571.317	819.402.198
Chi phí thu mua mía	2.296.568.746	26.108.700.509
Chi phí khuyến mại cho KH	2.571.873.750	3.561.933.750
Các khoản khác	7.994.546.390	19.754.927.277
Cộng	<u>14.230.560.203</u>	<u>50.244.963.734</u>

19. Các khoản phải trả- phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội. Bảo hiểm y tế	506.459.032	2.273.429.977
Kinh phí công đoàn	2.278.825.780	2.073.562.594
Phải trả cán bộ công nhân viên	127.140.152	127.140.152
Tiền thưởng vượt KH lợi nhuận	2.234.355.000	2.234.355.000
Các khoản phải trả khác	4.367.503.403	8.627.057.226
Cộng	<u>9.387.143.215</u>	<u>15.335.544.949</u>

20. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	3.833.316.667	5.749.991.667
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	2.000.000.000	2.000.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	-	-
Cộng	<u>5.833.316.667</u>	<u>7.749.991.667</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**21. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH (*)	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số đầu năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784		578.116.732.076	127.719.882	148.580.351.423	37.381.210.473	1.644.382.425.638
Lợi nhuận năm trước						12.225.553.921	(8.135.764.411)	4.089.789.510
Trích lập các quỹ trong năm trước				11.999.050.340		(11.999.050.340)		
Chia cổ tức năm trước						(69.398.990.000)	(1.808.800.000)	(71.207.790.000)
Quỹ khen thưởng phúc lợi						(11.999.050.340)	(1.273.663.835)	(13.272.714.175)
Thường ban điều hành						(644.953.770)	(494.318.805)	(1.139.272.575)
Mua cổ phiếu quỹ			(32.871.691.000)					(32.871.691.000)
Giảm khác					(67.500.000)	(2.537.925)		(70.037.925)
Số dư cuối năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	590.115.782.416	60.219.882	66.761.322.969	25.668.663.422	1.529.910.709.473
Số dư đầu năm nay	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	590.115.782.416	60.219.882	66.761.322.969	25.668.663.422	1.529.910.709.473
Cổ đông góp vốn								
Thường ban điều hành								
Cổ phiếu quỹ								
Lợi nhuận trong kỳ								
Trích lập quỹ phúc lợi				2.857.626.432		(9.744.156.054)	(3.687.396.439)	(13.431.552.491)
Trích lập các quỹ						(2.857.626.432)		(2.857.626.432)
Chia cổ tức năm nay						(2.857.626.434)		(2.857.626.434)
Các khoản khác								
Số dư cuối kỳ này	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	592.973.408.848	60.219.882	51.301.914.048	21.981.266.983	1.513.621.550.545

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

12/12/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất*Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.176.411.784
Vốn khác của Chủ sở hữu	-	-
Cổ phiếu quỹ	(32.871.691.000)	(32.871.691.000)
Cộng	847.304.720.784	847.304.720.784

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	3.005.050	3.005.050
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.994.950	66.994.950
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	66.994.950	66.994.950

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ phát triển khoa học công nghệ được trích lập dùng để đầu tư cho phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ tại doanh nghiệp.

22. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Số đầu năm	28.020.930.766
Tăng trong kỳ	
Giảm khác trong năm	
TSCĐ hình thành từ nguồn kinh phí	
Khấu hao trong năm	(1.307.453.058)
Số cuối kỳ	26.713.477.708

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM TÀI CHÍNH 2018/2019**1. Doanh thu bán hàng**

	Giai đoạn từ 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	486.022.433.533	261.723.806.452
Các khoản giảm trừ doanh thu	(203.520.000)	
Doanh thu thuần	486.225.953.533	261.723.806.452

22

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**2. Giá vốn hàng bán**

	Giai đoạn từ 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng bán	454.692.316.849	226.410.075.937
Cộng	454.692.316.849	226.410.075.937

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn từ 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động tài chính	806.223.176	1.774.349.558
Cộng	806.223.176	1.774.349.558

4. Chi phí tài chính

	Giai đoạn từ 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	12.928.121.242	12.238.486.525
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính		
Chi phí khác	516.968.400	160.509.056
Cộng	13.445.089.642	12.398.995.581

5. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn từ 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.710.521.208	1.542.698.786
Chi phí vật liệu, bao bì		389.759.869
Chi phí dụng cụ, đồ dùng		998.869.539
Chi phí khấu hao TSCĐ	910.333.905	826.967.431
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.758.067.555	1.684.132.030
Chi phí bằng tiền khác	5.006.245.065	2.615.460.877
Cộng	12.385.167.733	8.057.888.532

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn từ 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước

23

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Giai đoạn từ 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	7.300.312.663	5.008.698.457
Chi phí vật liệu quản lý		286.963.235
Chi phí đồ dùng văn phòng		401.528.753
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.703.207.597	2.058.968.699
Thuế, phí và lệ phí		563.658.879
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.919.707.355	3.877.429.581
Quỹ KHCN		
Chi phí bằng tiền khác	1.485.898.650	4.706.762.610
Cộng	15.409.126.265	16.904.010.214

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

VII. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày 31/12/2018 và 30/06/2018. số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	2.921.603.000	2.921.603.000
Trả trước cho người bán			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	882.000.000	882.000.000
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	49.925.646.387	24.848.312.098
Công ty CP mía đường Nông Cống	Công ty con	29.363.711.797	72.400.581.877
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	8.427.139.777	13.406.340.400
Phải thu khác			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
Phải trả người bán			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	10.900.578.398	965.326.830
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
Công ty NCN DVTM Vân Sơn	Công ty con	9.059.781.045	11.474.918.811
Công ty TNHH NN CNC Lam Sơn	Công ty con	16.676.712.149	14.909.094.974
Phải thu dài hạn khác			
Công ty NCN DVTM Vân Sơn	Công ty con	13.350.024.989	13.688.871.389

VIII. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm từ đường. Giai đoạn từ 01/10/2018 đến 31/12/2018, doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi là chiếm tỷ trọng 96,67% tổng doanh thu bán hàng hợp nhất; doanh thu khác chiếm tỷ trọng 3,03%. Doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi chiếm tỷ trọng chủ yếu. Do đó Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính.

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

25

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/10/2018- 31/12/2018	Từ 01/10/2017- 31/10/2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(13.962.012.560)	594.982.657
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	(12.739.362.835)	2.456.730.973
Số lượng cổ phiếu phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân	66.994.950	70.000.000

X. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	ĐV	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/07/2018
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng số tài sản	%	38,41	48,90
Tài sản dài hạn/ Tổng số tài sản	%	61,59	51,10
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	35,14	45,42
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	63,93	53,69
Lợi ích cổ đông thiểu số/ Tổng nguồn vốn	%	0,92	0,90
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,85	2,20
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,20	1,15
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,04	0,01
Chỉ tiêu	ĐV	Từ 01/10/2018- 31/12/2018	Từ 01/10/2017- 31/12/2017
Tỷ suất sinh lời			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	(2,60)	1,13
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	(2,87)	0,23
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	(0,53)	0,10
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	(0,59)	0,02
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế của Công ty trên Vốn chủ sở hữu</i>	%	(1,99)	0,85

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**XI. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty

Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách kế toán			
	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/07/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và tương đương tiền	30.683.081.724		15.412.171.681	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	207.633.664.592	(23.767.210.507)	203.274.306.481	(23.565.000.127)
Các khoản cho vay				
Đầu tư ngắn hạn				
Đầu tư dài hạn	30.849.829.652		30.773.468.207	
	269.166.575.968	(23.767.210.507)	249.459.946.369	(23.565.000.127)

Nợ phải trả tài chính	Giá trị sổ sách kế toán	
	31/12/2018	01/07/2018
Vay và nợ	592.316.407.276	789.518.500.092
Phải trả người bán, phải trả khác	71.066.508.465	279.267.954.344
Chi phí phải trả	14.230.560.203	50.244.963.734
	677.613.475.944	1.119.031.418.170

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài nên Công ty chưa có kế hoạch bán thanh lý hay thoái vốn các khoản đầu tư.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khách với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi công ty có phát sinh các khoản tiền

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và tương đương tiền	30.683.081.724			30.683.081.724
Phải thu khách hàng, phải thu khác	207.633.664.592			207.633.664.592
Các khoản cho vay				
Đầu tư ngắn hạn				
Đầu tư dài hạn	30.849.829.652			30.849.829.652
	269.166.575.968			269.166.575.968
Tại ngày 30/06/2018				
Tiền và tương đương tiền	15.412.171.681			15.412.171.681
Phải thu khách hàng, phải thu khác	203.274.306.481			203.274.306.481
Các khoản cho vay				
Đầu tư ngắn hạn				
Đầu tư dài hạn	30.773.468.207			30.773.468.207
	249.459.946.369			249.459.946.369

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	586.483.090.609	5.833.316.667		592.316.407.276
Phải trả người bán, phải trả khác	71.066.508.465			71.066.508.465
Chi phí phải trả	14.230.560.203			14.230.560.203
	671.780.159.277	5.833.316.667		677.613.475.944
Tại ngày 30/06/2018				
Vay và nợ	781.768.508.425	7.749.991.667		789.518.500.092

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	279.267.954.344			279.267.954.344
Chi phí phải trả	50.244.963.734			50.244.963.734
	1.111.281.426.503	7.749.991.667		1.119.031.418.170

Tính đến thời điểm 31/12/2018, mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ ở mức trung bình. Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

XII. GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG SO VỚI CÙNG KỲ**1. Biến động lợi nhuận so với cùng kỳ**

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019) là (13.962.012.560) đồng. trong đó Lợi ích của Công ty là (12.739.362.835) đồng giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2017/2018, do:

- Doanh thu cùng kỳ so với năm trước tăng 85,7%, tuy nhiên giá vốn hàng bán tăng lên so với cùng kỳ 100,83% dẫn đến lợi nhuận gộp trong kỳ giảm 10,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Tỷ lệ giá vốn trên doanh thu của quý II năm nay cao hơn so với cùng kỳ của năm trước
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 54,56%, trong khi chi phí tài chính tăng lên 8,44% so với cùng kỳ
- Thu nhập khác trong kỳ giảm 7.483.536.380 đồng tương ứng giảm 98,5% so với cùng kỳ.

2. Biến động tổng tài sản so với cùng kỳ

Tổng tài sản của Công ty tại 31/12/2018 là 2.378.355.081.211 đồng. So với thời điểm đầu năm, tổng tài sản giảm 16,97%. Nguyên nhân là do:

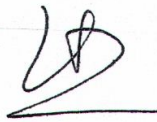
- Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 12,25% so với cùng kỳ. Cụ thể phải trả trước cho người bán giảm 23,44%, phải thu về cho vay ngắn hạn giảm 7,35%
- Hàng tồn kho giảm 56,78% so với cùng kỳ.
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 48,93% so với cùng kỳ.

Người lập biểu



Lê Thị Liên

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Lập ngày 20 tháng 01 năm 2019



Lê Văn Phương